

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HS-ST
Ngày: 11/4/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi
2. Bà Nguyễn Thị Trúc Giang

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2024/TLST-HS ngày 08/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HS ngày 01/4/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Công N (Đen), sinh năm 1987 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số E, ấp A, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1960 (đã chết) và bà **Ngô Thị Kim T**, sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: ngày 02/02/2023 bị **Công an phường P, thành phố B** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04/QĐ-XPHC, đã nộp phạt ngày 06/02/2023); ngày 31/8/2023 bị **Công an xã P, thành phố B** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPHC, chưa nộp phạt).

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/12/2023 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: **Ngô Thị Kim T**, sinh năm 1962; nơi cư trú: **số E, ấp A, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Phan Thị Diễm C1**, sinh năm 1970; nơi cư trú: **ấp H, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

- Người làm chứng: **Phan Trọng T1**, sinh năm 1981; nơi cư trú: **số E, ấp A, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài và cần tiền để trả nợ nên khoảng 09 giờ 30 phút ngày 26/10/2023, tại nhà số E, ấp A, xã P, thành phố B Nguyễn Công N đã lấy trộm một Tivi màn hình phẳng, màu đen, nhãn hiệu LG 43inch, số model: 43NAN076SQA của bà Ngô Thị Kim T, sinh năm: 1962, ĐKTT: Số E, Ấp A, xã P, thành phố B (là mẹ ruột và ở chung nhà với N) để đem đi cầm. Do không có phương tiện đi lại, N gặp Phan Trọng T1, sinh năm: 1981, ĐKTT: số E, ấp A, xã P, thành phố B đang cất có ở gần nhà N, N nhờ T1 chở N đem T2 đến tiệm V để cầm và hứa sẽ phụ tiền đồ xăng, T1 đồng ý. T1 điều khiển xe dừng trước nhà N. N lên vào nhà lấy T2 (kèm remote) đem ra xe để T1 điều khiển xe chở N và T2 về hướng cầu P, trên đường do né xe ô tô tải nên màn hình tivi đã bị hỏng, T1 chở N đem T2 đến cửa hàng điện máy K ở số G, ấp H, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre và gặp chị Phan Thị Diễm C1, sinh năm 1970, ĐKTT: ấp H, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre (chị ruột của T1) để hỏi thay màn hình. Tuy nhiên, giá thay màn hình cao nên N đã hỏi bán và được chị C1 báo giá thu vào là 500.000 đồng nhưng phải kèm thùng và chân kệ Tivi. Do không có đem thùng và chân kệ tivi nên N lấy trước số tiền 300.000 đồng, gửi lại tivi chiều N quay lại chuộc, nếu không chuộc sẽ đem thùng và chân kệ T2 đến sau và nhận thêm số tiền 200.000 đồng. Riêng bà Ngô Thị Kim T sau khi được biết bị mất tivi, bà T đi tìm và gặp T1 chở N về, bà T đã đến Công an xã P trình báo và đến cửa hàng điện máy K chuộc lại T2 (kèm remote) với số tiền 300.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) Tivi hiệu LG 43 inch và 01 (một) remote Tivi hiệu LG do bà Phan Thị Diễm C1 giao nộp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 976/KL-HĐĐG ngày 16/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) Tivi màn hình phẳng nhãn hiệu LG 43 Inch, màu đen, số model: 43NAN076SQA, đã qua sử dụng (kèm theo 01 remote nhãn hiệu LG) trị giá tài sản ngày 26/10/2023 là 6.993.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Ngày 19/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho bị hại Ngô Thị Kim T 01 (một) Tivi hiệu LG 43 inch và 01 (một) remote Tivi hiệu LG.

Về trách nhiệm dân sự: bà T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu N bồi thường việc sửa chữa màn hình. Bà T cũng không yêu cầu N trả lại 300.000 đồng đã chuộc Tivi, đồng thời xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho N.

Quá trình điều tra, Nguyễn Công N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của N phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập. Tại cáo trạng số 19/CT-VKSTPBT ngày 07/03/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị: Về hình phạt chính: áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho bị hại Ngô Thị Kim T 01 (một) Tivi hiệu LG 43 inch và 01 (một) remote Tivi hiệu LG. Bà T không yêu cầu bị cáo bồi thường việc sửa chữa màn hình và không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 300.000 đồng đã chuộc T2.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị hại Ngô Thị Kim T trình bày: bà là mẹ của bị cáo, việc bị cáo lấy trộm tài sản của bà như cáo trạng đã nêu. Bà đã nhận lại tài sản, bà không yêu cầu bị cáo bồi thường việc sửa chữa tài sản bị hư hỏng và không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 300.000 đồng bà đã bỏ ra để chuộc lại tài sản. Về trách nhiệm hình sự bà yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: khoảng 09 giờ 30 phút ngày 26/10/2023, tại nhà số E, ấp A, xã P, thành phố B, Nguyễn Công N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 tivi màn hình phẳng, màu đen, nhãn hiệu LG 43inch, số model: 43NAN076SQA (kèm remote) trị giá 6.993.000 đồng của bà Ngô Thị Kim T là mẹ ruột của N.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã một mình cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt 6.993.000

đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền sự về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” và “Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo” theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo của Viện kiểm sát thấy rằng bị cáo có 02 tiền sự chưa được xóa nên bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho bị hại Ngô Thị Kim T 01 (một) Tivi hiệu LG 43 inch và 01 (một) remote Tivi hiệu LG. Bà T không yêu cầu bị cáo bồi thường việc sửa chữa màn hình. Bà T cũng không yêu cầu Nên trả lại 300.000 đồng đã chuộc Tivi.

[8] Đối với Phan Trọng T1 khi chở bị cáo đi tìm nơi tiêu thụ T2, khi giới thiệu nơi để bị cáo sửa và cầm T2 thì T1 không biết T2 là tài sản do bị cáo phạm tội mà có; chị Phan Thị Diễm C1 khi nhận cầm Tivi cũng không biết tài sản là do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp có phần chưa phù hợp nên chỉ được chấp nhận một phần.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định của Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Công N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Công N** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo **Nguyễn Công N** phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Phú Nhuận, TP.BT (1b);
- Bị cáo, Bị hại, NCQLNVLQ (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình